

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

Phân tích động học ngược cho tay máy robot hàn 6 bậc tự do	5	Dương Văn Toàn Ninh Nguyễn Tấn Tại Nguyễn Văn Cường Nguyễn Trọng Các
Điều khiển bền vững thích nghi trên cơ sở mờ Nơron điều khiển cho tay máy robot	13	Nguyễn Phương Ty Vũ Thị Yến Nguyễn Thị Thảo Nguyễn Thị Phương
Điều khiển truyền động động cơ không đồng bộ ba pha theo phương pháp tựa theo vectơ từ thông rôto (foc)	20	Phạm Văn Tuấn Hoàng Thị Phượng Đặng Văn Tuệ

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Nghiên cứu đặc tính tốc độ của động cơ diesel hiện đại	28	Vũ Thành Trung Ngô Thị Mỹ Bình
Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ đến khả năng hồi phục mòn của phụ gia nano TiO_2 trong dầu bôi trơn	34	Nguyễn Đình Cường
Nghiên cứu sự ảnh hưởng của phương pháp lấy mẫu đến chất lượng của phương pháp Monte Carlo	40	Đào Đức Thụ
Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ miết ép đến ứng suất dư của chi tiết máy	45	Nguyễn Văn Hình

NGÀNH TOÁN HỌC

Điều kiện đủ tối ưu cho bài toán điều khiển tối ưu của hệ phương trình g-Navier-Stokes hai chiều	51	Nguyễn Viết Tuấn Lưu Trọng Đại Lê Thị Liễu
--	----	--

NGÀNH KINH TẾ

Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các công cụ chính sách tiền tệ trong giai đoạn hiện nay	58	Nguyễn Thị Quỳnh Vũ Thị Lý
Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông	67	Phạm Thị Hồng Hoa Nguyễn Thị Tình

TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG SỐ NÀY
SỐ 1(76) 2022

NGÀNH KINH TẾ

- Tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp 76 Đinh Thị Kim Thiết
- Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ trồng chè: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam 84 Trần Thị Quý Chinh
Nguyễn Thị Ngọc Mai

NGÀNH GIÁO DỤC HỌC

- Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 92 Vũ Thị Lương
Trịnh Thị Chuyên

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 100 Nguyễn Thị Nhan
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay 106 Phạm Xuân Đức
- Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng - liên hệ trong giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Sao Đỏ 113 Đỗ Thị Thùy
Đặng Thị Dung
- Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam 120 Nguyễn Minh Tuấn
Phạm Xuân Đức

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|---|
| Inverse kinematics analysis of six degrees of freedom of a welding robot arm | 5 | Duong Van Toan Ninh
Nguyen Tan Tai
Nguyen Van Cuong
Nguyen Trong Cac |
| Adaptive robust control based on fuzzy neural network control robot manipulator | 13 | Nguyen Phuong Ty
Vu Thi Yen
Nguyen Thi Thao
Nguyen Thi Phuong |
| The controlling methods for three-phase asynchronous mô tơ models based on foc roto | 20 | Pham Van Tuan
Hoang Thi Phuong
Dang Van Tue |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|---|----|-----------------------------------|
| Research on performance characteristics of modern diesel engine | 28 | Vu Thanh Trung
Ngo Thi My Binh |
| Research influence of speed on self-repair of TiO ₂ nanoparticles as lubricating | 34 | Nguyen Dinh Cuong |
| Study on the effects of sampling method on the quality of Monte Carlo method | 40 | Dao Duc Thu |
| Research on the influence of mode oscillating smoothing on the residual stresses of machine parts | 45 | Nguyen Van Hinh |

TITLE FOR MATHEMATICS

- | | | |
|--|----|--|
| Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g-Navier-Stokes equations | 51 | Nguyen Viet Tuan
Luu Trong Dai
Le Thi Lieu |
|--|----|--|

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|---|----|--------------------------------------|
| Solutions to improve the effectiveness of monetary policy tools in the current period | 58 | Nguyen Thi Quynh
Vu Thi Ly |
| Vietnam's human resources in terms of achievement in general education | 67 | Pham Thi Hong Hoa
Nguyen Thi Tinh |

TITLE FOR ECONOMICS

- | | | |
|---|----|---|
| The impact of the COVID-19 pandemic on enterprises's business activities and presentation of financial statements | 76 | Dinh Thi Kim Thiet |
| Factors Affecting to Tea-growing Household's Income: A Case Study in Thai Nguyen Province | 84 | Tran Thi Quy Chinh
Nguyen Thi Ngoc Mai |

TITLE FOR STUDY OF EDUCATION

- | | | |
|---|----|----------------------------------|
| Applying extracurricular activities in teaching English to improve communication ability for Sao Do University's students | 92 | Vu Thi Luong
Trinh Thi Chuyen |
|---|----|----------------------------------|

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- | | | |
|--|-----|-----------------------------------|
| Teaching Marxist-Leninist Philosophy in the context of Industrial Revolution 4.0 | 100 | Nguyen Thi Nhan |
| Ho Chi Minh's thought on Party building and the application of the Party Committee of Chi Linh City today | 106 | Pham Xuan Duc |
| Teaching the Marxist-Leninist Philosophy module at Sao Do University on human construction and development in the light of the XIII Party Congress | 113 | Do Thi Thuy
Dang Thi Dung |
| Impacts of social security policies on labor and employment during the COVID-19 pandemic in Vietnam | 120 | Nguyen Minh Tuan
Pham Xuan Duc |

Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các công cụ chính sách tiền tệ trong giai đoạn hiện nay

Solutions to improve the effectiveness of monetary policy tools in the current period

Nguyễn Thị Quỳnh, Vũ Thị Lý

Email: quynhnguyen.neu@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 07/7/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 10/01/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2022

Tóm tắt

Trong những năm qua, cùng với sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế, ngành ngân hàng nói chung và chính sách tiền tệ (CSTT) đã có những đóng góp đáng ghi nhận đối với ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng và kiềm chế lạm phát. Nội dung bài báo tập trung vào phân tích thực trạng việc thực thi ba công cụ chủ yếu của CSTT là lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc và nghiệp vụ thị trường mở, từ đó đánh giá những đóng góp và hạn chế trong việc thực thi các công cụ trong giai đoạn hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc thực thi CSTT giúp kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong thời kỳ nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Tuy nhiên, quá trình thực thi các CSTT còn gặp khó khăn trong việc theo đuổi mục tiêu điều hành và quá trình quản lý việc thực thi CSTT chưa phù hợp với cơ chế thị trường của thị trường tiền tệ.

Từ khóa: Chính sách tiền tệ; lãi suất; tỷ lệ dự trữ bắt buộc; nghiệp vụ thị trường mở.

Abstract

In the past years, along with the recovery of economic growth momentum, the banking industry in general and monetary policy have made remarkable contributions to macroeconomic stability and growth support and control inflationary. The content of the article focuses on analyzing the actual situation of the implementation of three main tools of monetary policy, namely interest rate, required reserve ratio and open market operations, thereby assessing the contributions and limitations in the implementation of tools in the current period. Research results show that the implementation of monetary policy helps control inflation and economic growth, especially during the epidemic period, many businesses are affected by the COVID-19 epidemic. However, the process of implementing monetary policy still faces difficulties in pursuing the operating objectives and the process of managing the implementation of monetary policy is not suitable with the market mechanism of the money market.

Keywords: Monetary policy; interest rate; required reserve ratio; open market operations.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai đoạn 2016 - 2020 nền kinh tế thế giới biến động rất phức tạp. Chủ nghĩa bảo hộ leo thang, kéo theo căng thẳng gay gắt và chia rẽ thương mại giữa các nước lớn (Mỹ - Trung Quốc, Hàn Quốc - Nhật Bản, Úc - Trung Quốc, Mỹ - EU), tác động tiêu cực đến niềm tin, thương mại, đầu tư, kìm hãm đà phục hồi mong manh của kinh tế toàn cầu; hệ lụy càng trầm trọng khi đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng toàn thế giới làm cho nền kinh tế toàn cầu suy thoái sâu - 4,4%. Thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế đầy bất ổn, CSTT các quốc gia lớn đảo chiều từ "bình thường hóa", tăng lãi suất sang giảm mạnh lãi suất và nới lỏng một cách "chưa có tiền lệ". Dòng vốn vào các thị trường mới nổi và đang phát triển biến động phức tạp do nhà đầu tư lo

ngại rủi ro và trong bối cảnh đồng nội tệ nhiều nước mất giá so với USD. Sự thay đổi mạnh và nhanh của kinh tế thế giới đưa Việt Nam vào những cơ hội và thách thức đan xen, đặc biệt đại dịch COVID-19 khiến kinh tế thế giới suy thoái sâu và đưa đến nhiều thách thức cho nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng.

Giai đoạn 2016 - 2019, ngay trước khi xảy ra đại dịch, kinh tế Việt Nam đã chứng tỏ sự năng động với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình là 6,8%/năm, chất lượng tăng trưởng cải thiện nhờ nâng cao năng suất; lạm phát được kiểm soát dưới 4%, tạo môi trường vĩ mô ổn định, thu hút FDI, từ đó thúc đẩy xuất khẩu và xuất siêu liên tiếp trong bối cảnh thương mại quốc tế sụt giảm. IMF đánh giá năm 2020 quy mô GDP của Việt Nam có thể đứng thứ 4 ASEAN; hệ số tín nhiệm quốc gia liên tục tăng. Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch, với chủ trương đúng đắn của Chính phủ, tăng trưởng kinh

Người phản biện: 1. PGS. TS. Trần Văn Thuận

2. TS. Phạm Thành Long

tế của Việt Nam vẫn đạt 2,91% - thuộc nhóm nước tăng trưởng cao nhất thế giới và đứng đầu các nước ASEAN; trong khi môi trường vĩ mô tiếp tục ổn định, trong đó lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 ở mức 2,31%, góp phần kiểm soát lạm phát bình quân chung ở mức 3,23% [7].

Gần 2 năm qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh CSTT linh hoạt trên cơ sở mục tiêu bảo đảm ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do dịch COVID-19. Tuy nhiên, sau đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ tư, nhiều tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội đã gây ra những thách thức trong điều hành CSTT. Năm 2021, CSTT đứng trước rất nhiều áp lực: Vừa phải hỗ trợ phục hồi kinh tế, vừa giữ ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toàn hệ thống.

Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định nhiệm vụ trọng tâm về đổi mới khuôn khổ CSTT với nội dung “Khuôn khổ CSTT hướng đến mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; tăng tính độc lập của NHNN trong điều hành CSTT” [1]. Trong thời gian qua để thực thi CSTT quốc gia, NHNN đã linh hoạt sử dụng các công cụ CSTT và các công cụ khác nhằm mang lại hiệu quả cao trong việc thực thi CSTT để đạt được các mục tiêu cuối cùng trong từng thời kỳ. Việc điều hành các công cụ CSTT đã chuyển từ trạng thái bị động đối phó với tình huống sang chủ động dẫn dắt thị trường, có sự phối kết hợp đồng bộ, linh hoạt giữa các công cụ. Tuy nhiên, quá trình thực thi các CSTT còn gặp khó khăn trong việc theo đuổi mục tiêu điều hành (M2, tín dụng, ổn định lãi suất thị trường, tỷ giá) dẫn đến hạn chế tác động của CSTT và quá trình quản lý việc thực thi CSTT chủ yếu thông qua quản lý hành chính sẽ hạn chế sự vận hành theo cơ chế thị trường của thị trường tiền tệ.

2. THỰC TRẠNG VIỆC THỰC THI CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Thông đốc NHNN quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi

suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở và các công cụ, biện pháp khác theo quy định của Chính phủ. Trong đó việc thực thi 3 công cụ chủ yếu của CSTT là lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc và nghiệp vụ thị trường mở cụ thể như sau:

2.1. Công cụ lãi suất

Theo quy định hiện nay, NHNN công bố lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác để điều hành CSTT, chống cho vay nặng lãi. Trong trường hợp thị trường tiền tệ có diễn biến bất thường, NHNN quy định cơ chế điều hành lãi suất áp dụng trong quan hệ giữa các tổ chức tín dụng với nhau và với khách hàng, các quan hệ tín dụng khác. Mặt bằng lãi suất trong nước để có áp lực gia tăng do nhu cầu vốn của nền kinh tế tập trung chủ yếu tại hệ thống ngân hàng, đồng thời để bị tác động bởi sự biến động phức tạp của thị trường tài chính - tiền tệ thế giới.

Năm 2010, NHNN ban hành Thông tư 07/2010/TT-NHNN quy định về cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận nhằm giải quyết vấn đề về lãi suất, cho phép ngân hàng được phép áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận với các khách hàng vay trung và dài hạn phục vụ cho mục đích kinh doanh, mở rộng sản xuất. Do đó, lãi suất cho vay có lúc tăng mạnh, đến 21,6% vay trung hạn. Trong khi NHNN đã quy định mức trần lãi suất huy động là 14%/năm, nhưng các NHTM vẫn lách luật và huy động trượt lãi suất 2-5% để thu hút khách hàng. Ngày 21/12/2012, NHNN ban hành Quyết định số 2646/QĐ-NHNN về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng nhằm giảm lãi suất tái cấp vốn từ 10%/năm xuống còn 9%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 8%/năm xuống còn 7%/năm, lãi suất cho vay qua đêm giữa các liên ngân hàng giảm từ 11% còn 10% năm. Đến năm 2013, NHNN ban hành Quyết định 643-NHNN quyết định giảm các lãi suất trên lần lượt xuống 8%, 6% và 9%. Đến năm 2017, NHNN ban hành Quyết định 1424/QĐ-NHNN, lãi suất giảm lần lượt xuống 6,25%; 4,25% và 7,25%. Đến năm 2019, với Quyết định số 1870/QĐ-NHNN, lãi suất giảm lần lượt xuống 6%; 4% và 7% [5].

Bảng 1. Lạm phát, lãi suất thị trường và mức tăng tỷ giá USD giai đoạn 2000 - 2019 ở Việt Nam

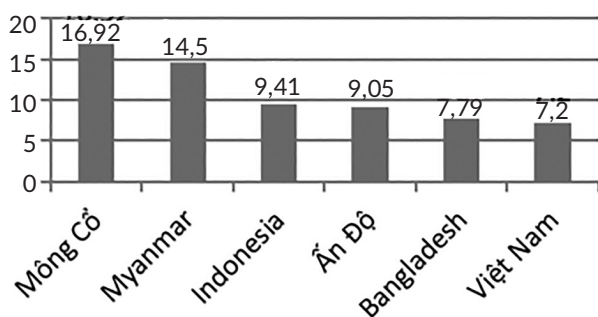
Đơn vị: %

Năm	Lạm phát	Lãi suất thị trường	Mức tăng tỷ giá USD	Năm	Lạm phát	Lãi suất thị trường	Mức tăng tỷ giá USD
2000	-0,6	13,5	1,61	2010	9,19	15,8	9,07
2001	0,8	13,6	3,93	2011	18,8	18,5	10,19
2002	4	10,7	3,77	2012	9,21	18,25	1,55
2003	3	11,2	1,51	2013	6,6	12,25	0,51

Năm	Lạm phát	Lãi suất thị trường	Mức tăng tỷ giá USD	Năm	Lạm phát	Lãi suất thị trường	Mức tăng tỷ giá USD
2004	9,5	14,5	1,52	2014	4,09	10,25	1,03
2005	8,4	15,2	0,71	2015	0,63	10,15	2,51
2006	6,6	15,8	0,85	2016	2,66	10,15	1,15
2007	12,6	15,6	0,7	2017	3,53	10,1	2,01
2008	19,9	21,6	1,23	2018	3,54	8,91	1,04
2009	6,52	13,5	4,68	2019	2,79	8,5	2,03

Qua Bảng 1 cho thấy, những năm 2000 - 2006, lạm phát ổn định ở mức một con số thì lãi suất ổn định ở mức 13-15% năm. Những năm 2007 - 2011, lạm phát ở mức cao hai con số thì lãi suất tăng lên từ 18% đến trên 21%/năm. Những năm 2012 - 2019, lạm phát giảm xuống ở mức thấp, bình quân khoảng 4%/năm thì lãi suất đã giảm xuống rõ rệt, bình quân khoảng 10%/năm. Như vậy, trong giai đoạn 2000 - 2019, lãi suất có xu hướng biến động thuận chiều với lạm phát.

Khi so sánh với các nước trong khu vực có trình độ phát triển tương đồng thì lãi suất cho vay của Việt Nam không cao hơn mặt bằng lãi suất cho vay của các nước trong khu vực.



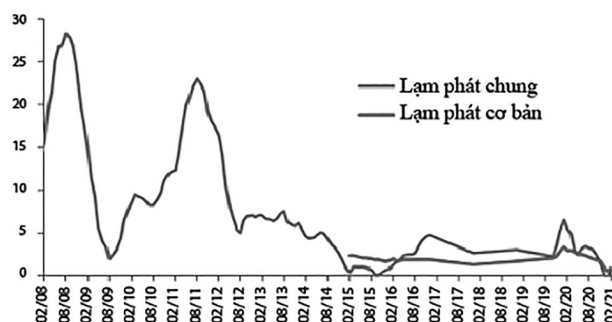
Đồ thị 1. Lãi suất cho vay của một số quốc gia (tính đến tháng 7/2020, đvt: %)
(Nguồn: IMF)

Lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-6 khoảng 5,7%/năm, ASEAN-4 khoảng 4,82%; Việt Nam 7,2%/năm. Trong đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam như đã nói trên sẽ thấp hơn mức lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-4. Nếu so với các nước có trình độ phát triển tương đồng như Indonesia (9,41%), Mông Cổ (16,92%), Bangladesh (7,79%), Myanmar (14,5%) và Ấn Độ (9,05%), lãi suất cho vay ngắn hạn của Việt Nam vẫn thấp hơn [10].

Để ứng phó với tác động bất lợi của đại dịch COVID-19. Các công cụ CSTT được điều hành đồng bộ, linh hoạt, đồng thời CSTT cũng được phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác để điều tiết thanh khoản, kiểm soát tiền tệ, giảm thiểu áp lực gia tăng lạm phát,

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê, Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Lạm phát cơ bản bình quân ổn định ở mức 2,31% (năm 2019 là 2,01%) cho thấy sự phù hợp của công tác điều hành CSTT, đóng góp tích cực đến việc ổn định lạm phát bình quân chung. Lạm phát được kiểm soát ổn định đã tạo lập nền tảng vững chắc, duy trì niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với môi trường kinh doanh Việt Nam, góp phần thu hút đầu tư nước ngoài (Đồ thị 2).

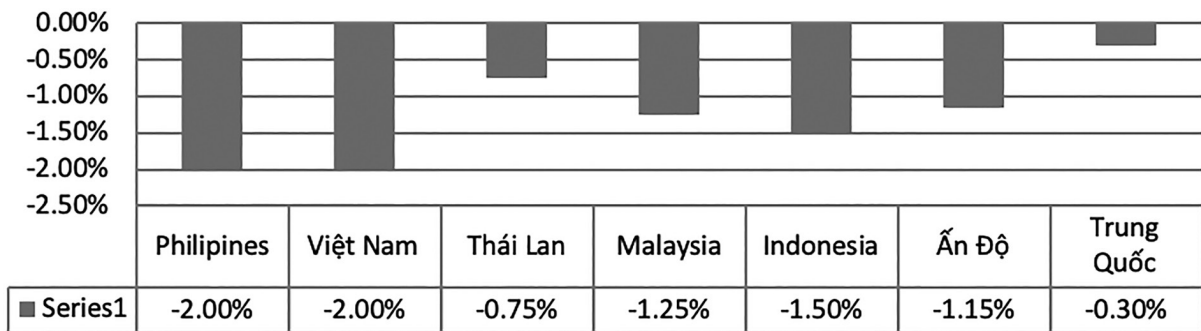


Đồ thị 2. Diễn biến lạm phát năm 2008 đến tháng 2 năm 2021

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tính chung trong năm 2020 NHNN đã điều chỉnh giảm 1,5-2%/năm lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân. Đồng thời, chỉ đạo các TCTD chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn.

So với các nước trong khu vực, Việt Nam là một trong những nước có mức giảm lãi suất điều hành mạnh nhất (Philippines: -2%; Thái Lan: -0,75%; Malaysia: -1,25%; Indonesia: -1,5%; Ấn Độ: -1,15%; Trung Quốc: -0,3%) [5] (Đồ thị 3).



Đồ thị 3. Mức giảm lãi suất điều hành của một số NHTW châu Á trong năm 2020 và 2 tháng đầu năm 2021

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam)

2.2. Công cụ tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Ngày 29/5/2018, NHNN đã có Quyết định số 1158/

Bảng 2. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định

Loại TCTD	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
1. Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
2. Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ	Theo quy định của Chính phủ	Theo quy định của Chính phủ	Theo quy định của Chính phủ	Theo quy định của Chính phủ
3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
4. Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ kỳ duy trì dự trữ bắt buộc tháng 6/2018 và thay thế các Quyết định số 379/QĐ-NHNN ngày 24/02/2009, số 1925/QĐ-NHNN ngày 26/8/2011 và số 1972/QĐ-NHNN ngày 31/8/2011 của Thống đốc NHNN.

Ngày 24/8/2021 NHNN ban hành Quyết định 1349/QĐ-NHNN có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021 và thay thế Quyết định số 1349/QĐ-NHNN ngày 06/8/2020. Theo quyết định này, NHNN quy định mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam là 0,5%/năm; đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm; đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam là 0%/năm; đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm. Các mức lãi suất này giữ nguyên so với quyết định số 1349/QĐ-NHNN ngày 06/8/2020. Riêng lãi suất tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ giảm từ 0,05%/năm xuống còn 0%. Đây là lần đầu tiên sau nhiều tháng, NHNN có chính sách điều chỉnh lãi suất cụ thể trên toàn hệ thống.

QĐ-NHNN về tỷ lệ dự trữ bắt buộc áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

Với diễn biến phức tạp của dịch bệnh hiện nay thì một trong những khuyến nghị liên quan đến CSTT thích ứng nên được thực hiện với tăng trưởng cung tiền được kiểm soát ở mức phù hợp và các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức vừa phải. Đặc biệt, việc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc vừa tăng cung tiền vào nền kinh tế, vừa giảm chi phí vốn cho ngân hàng nhằm giảm lãi suất cho vay.

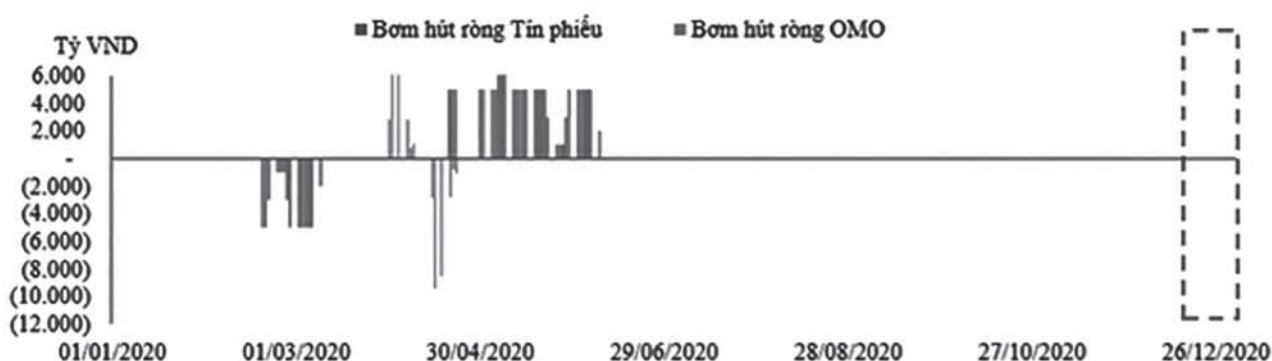
2.3. Công cụ nghiệp vụ thị trường mở

Nghiệp vụ thị trường mở được NHNN chính thức thực hiện từ ngày 12/7/2000, đến nay đã phát triển cả về quy mô, tổ chức và chất lượng hoạt động, trở thành công cụ điều tiết tiền tệ chủ yếu của NHNN, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu CSTT. Để hoàn thiện quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, NHNN đã xây dựng Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về nghiệp vụ thị trường mở. NHNN vừa ban hành Thông tư số 09/2021/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2015/TT-NHNN quy định về nghiệp vụ thị trường mở.

Với việc thực hiện giao dịch theo cả 2 chiều mua bán giấy tờ có giá, nghiệp vụ thị trường mở đã phát huy tác dụng trong việc điều tiết vốn khả dụng của các TCTD theo mục tiêu CSTT trong từng thời kỳ. Khối lượng giao dịch nghiệp vụ thị trường mở tăng mạnh qua các năm, định kỳ giao dịch cũng ngày càng tăng cường. Kỳ hạn giao dịch được từng bước đa dạng hóa phù hợp với nhu cầu tình hình vốn khả dụng của các TCTD và nhu cầu điều tiết tiền tệ của NHNN. NHNN đã kết hợp sử dụng đồng bộ nghiệp vụ thị trường mở với các công cụ CSTT để phát tín hiệu điều hành CSTT và thực hiện mục tiêu CSTT. Qua phân tích các kết quả hoạt động nghiệp vụ thị trường mở, NHNN có thêm thông tin cần thiết phục vụ cho việc điều hành CSTT.

Nghiệp vụ thị trường mở đã hỗ trợ kịp thời vốn khả dụng VND cho các TCTD khi gặp khó khăn và điều hòa vốn khả dụng khi dư thừa, thông tin thường xuyên và kịp thời tới thị trường về định hướng điều hành CSTT của NHNN, qua đó tăng hiệu quả điều hành CSTT và góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu điều hành CSTT, góp phần ổn định giá trị đồng tiền và kiểm soát lạm phát, ổn định và phát triển thị trường tài chính - tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Thống kê của Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đến ngày 25/12/2020 cho thấy, tổng lượng tín phiếu đang lưu hành duy trì ở mức 0 trong tháng thứ 7 liên tiếp, trong khi tổng lượng giao dịch trên thị trường mở đang lưu hành cũng quay lại mức 0 trong 1 tháng qua.



Đồ thị 4. Diễn biến thị trường mở từ đầu năm 2020 đến hết ngày 25/12/2020

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tổng hợp)

Diễn biến này cho thấy trong năm qua, NHNN rất hạn chế trong việc sử dụng nghiệp vụ thị trường mở để bơm/hút tiền, trong bối cảnh thanh khoản hệ thống ngân hàng rất dồi dào nhờ CSTT phù hợp cộng hưởng với nhu cầu tín dụng tương đối yếu, trong đó, một lượng lớn VND được bơm ra thị trường đối ứng với lượng lớn USD được mua vào.

3. ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC THI CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

3.1. Đóng góp từ việc thực thi các công cụ chính sách tiền tệ

Thứ nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng các công cụ CSTT để kiểm soát tiền tệ, thực hiện mục tiêu lạm phát đặt ra.

Thực hiện Luật NHNN năm 2010, NHNN kiên định đề xuất chỉ tiêu lạm phát hằng năm để Chính phủ trình Quốc hội thông qua, ở mức khoảng 4% nhằm đảm bảo ổn định, neo giữ kỳ vọng lạm phát. Các công cụ CSTT được điều hành chủ động, linh hoạt, phối hợp nhịp nhàng trong kiểm soát tiền tệ; CSTT phối hợp chặt chẽ với các chính sách vĩ mô khác để điều tiết thanh khoản, điều chỉnh các mức giá do Nhà nước quản lý nhằm đạt được mục tiêu lạm phát đặt ra. Kết quả cho thấy, tổng phương tiện thanh toán (M2) giai đoạn này được kiểm soát hợp lý, hằng năm chỉ tăng

trong khoảng 12,21-15%, qua đó ổn định lạm phát cơ bản trong khoảng 1,41- 2,31% [7], tạo dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ Nhà nước quản lý mà vẫn nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát Quốc hội đặt ra.

Thứ hai, việc điều hành công cụ CSTT chủ động, phối hợp đồng bộ.

Việc điều hành các công cụ CSTT đã chuyển từ trạng thái bị động đối phó với tình huống sang chủ động dẫn dắt thị trường, có sự phối kết hợp đồng bộ, linh hoạt giữa các công cụ. Trong đó, công cụ OMOs được xem là công cụ chủ đạo trong việc điều tiết tiền tệ và lãi suất nhằm đạt được các mục tiêu điều hành CSTT của NHNN trong từng thời kỳ. Kết quả là, hiện mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm mạnh theo mục tiêu của NHNN, đường cong lãi suất đã dần được hình thành. Hệ thống các TCTD đã và đang từng bước tái cơ cấu thành công thể hiện qua nợ xấu từng bước được kiểm soát, thanh khoản của hệ thống TCTD được đảm bảo, các hệ số an toàn được cải thiện.

Thứ ba, đảm bảo cung ứng đủ tín dụng an toàn, hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế nhưng không chủ quan với lạm phát, kịp thời thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Hàng năm, căn cứ mục tiêu tăng trưởng và lạm phát do Quốc hội đặt ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến và tình hình thực tế; thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng TCTD và linh hoạt rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu đã giao trên cơ sở tình hình tài chính, khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh; chỉ đạo các TCTD kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán. Kết quả, tăng trưởng tín dụng đã đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế và phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, hiệu quả tín dụng cải thiện.

Giai đoạn 2016 - 2019, tăng trưởng tín dụng chậm lại từ mức 18,25% xuống 13,65%, trong khi tăng trưởng kinh tế được đẩy mạnh tương ứng từ 6,21% lên trên 7% năm 2018 và 2019 [7]. Các chương trình, chính sách tín dụng ngành, lĩnh vực tiếp tục đạt kết quả tốt, trong đó có các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu,...; tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát phù hợp, tích cực đóng góp cho phát triển kinh tế bền vững.

Năm 2020, NHNN đã khẩn trương triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ nền kinh tế khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 với việc kịp thời ban hành Thông tư số 01/2020/TT- NHNN ngày 13/3/2020 tạo hành lang pháp lý, cơ chế đột phá để TCTD tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng (cơ cấu lại nợ gốc và lãi, không chuyển nợ xấu, không tính lãi phạt; miễn giảm lãi, phí); đồng thời, liên tục tổ chức Hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp trên toàn quốc, khảo sát thực địa, tiếp nhận và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp. Đến ngày 28/12/2020, tín dụng tăng 11,08% so với cuối năm trước và tăng 11,65% so với cùng kỳ 2019, hỗ trợ tích cực cho sự phục hồi kinh tế trong đại dịch.

Thứ tư, điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến vĩ mô, lạm phát, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người gửi tiền.

Mặt bằng lãi suất trong nước dễ có áp lực gia tăng do nhu cầu vốn của nền kinh tế tập trung chủ yếu tại hệ thống ngân hàng, đồng thời dễ bị tác động bởi sự biến động phức tạp của thị trường tài chính - tiền tệ thế giới.

Giai đoạn 2016 - 2018, xu hướng lãi suất thế giới tăng mạnh, dẫn đầu là Fed với chu kỳ "bình thường hóa CSTT", tăng lãi suất liên tục, nhưng mặt bằng lãi suất trong nước vẫn tương đối ổn định. Điều này là nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô được giữ ổn định, NHNN kiên định thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát thông qua kiểm soát M2, tín dụng phù hợp, ổn định các mức lãi suất điều hành.

Từ nửa cuối năm 2019 và năm 2020, căng thẳng thương mại giữa các quốc gia lớn tác động tiêu cực

lên triển vọng kinh tế toàn cầu và dưới tác động của đại dịch COVID-19, NHNN đã chủ động, kịp thời 04 lần giảm liên tục các mức lãi suất điều hành, tổng mức giảm 1,75-2,25%/năm nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay. Giải pháp điều hành lãi suất thực hiện song song với việc đảm bảo thanh khoản cho các TCTD và ổn định thị trường tiền tệ; định hướng các TCTD rà soát, cân đối khả năng tài chính để áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý đảm bảo an toàn hoạt động, đẩy nhanh xử lý nợ xấu để giảm chi phí.

Những giải pháp đồng bộ này giúp lãi suất nước ta hiện nay chỉ bằng khoảng 40% so với mức lãi suất nửa cuối năm 2011. Thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho thấy, so với các nước láng giềng ASEAN có trình độ phát triển tương đồng, lãi suất cho vay bình quân của Việt Nam ở mức trung bình.

3.2. Hạn chế trong việc thực thi các công cụ chính sách tiền tệ

Có thể thấy, trong thời gian qua NHNN điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT để ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ kinh tế ứng phó với tác động bất lợi của các cú sốc. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi các công cụ CSTT vẫn còn gặp một số hạn chế như:

Thứ nhất, quá trình thực thi các CSTT còn gặp khó khăn trong việc theo đuổi mục tiêu điều hành (M2, tín dụng, ổn định lãi suất thị trường, tỷ giá) dẫn đến hạn chế tác động của CSTT.

Hiện nay, điều hành chính sách tiền tệ của NHNN Việt Nam gặp nhiều khó khăn, vừa hỗ trợ đa phục hồi kinh tế, vừa kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh đó, NHNN vẫn điều hành chính sách tiền tệ ổn định theo định hướng chủ đạo hỗ trợ đa phục hồi kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ "vừa chống dịch, vừa đảm bảo phát triển kinh tế". Theo đó, NHNN sẽ chủ động duy trì ổn định mặt bằng lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, tạo điều kiện giảm chi phí vay vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế.

Theo quy luật, khi thị trường tài chính phát triển, mối liên hệ giữa các mục tiêu tiền tệ (M2, tín dụng) đến các mục tiêu cuối cùng là lạm phát, tăng trưởng kinh tế sẽ trở nên kém bền vững, trong khi biến động của lãi suất ngày càng có vai trò quan trọng, ảnh hưởng lớn đến các quyết định đầu tư, kinh doanh, do đó, các NHTW có xu hướng áp dụng mục tiêu lãi suất trong điều hành CSTT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực của CSTT đến các biến số kinh tế vĩ mô.

Thứ hai, quá trình quản lý việc thực thi CSTT chủ yếu thông qua quản lý hành chính sẽ hạn chế sự vận hành theo cơ chế thị trường của thị trường tiền tệ.

Điều hành CSTT của NHNN hiện còn sử dụng một số biện pháp hành chính như: Giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, trần lãi suất huy động tiền gửi ngắn hạn bằng VND, trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với 5 lĩnh vực ưu tiên. Việc sử dụng các biện pháp hành chính sẽ hạn chế sự vận hành theo cơ chế thị trường của thị trường tiền tệ nơi truyền tải từ các mức lãi suất điều hành của NHNN đến lãi suất thị trường liên ngân hàng và đến các lãi suất huy động và cho vay của các TCTD. Và có thể ảnh hưởng tới sự phân bổ vốn hiệu quả trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó, thủ tục chính sách còn rườm rà, các văn bản hướng dẫn còn rắc rối, thiếu tính khả thi, mức độ ứng dụng công nghệ trong việc thực thi chính sách còn thấp, cách tổ chức thực hiện vẫn còn thủ công nên mất tương đối nhiều thời gian để chính sách thực sự đến được với người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, dự trữ bắt buộc chưa khuyến khích các NHTM thu hút nguồn vốn cho mục tiêu đầu tư và phát triển.

Công cụ dự trữ bắt buộc chưa được NHNN điều hành linh hoạt nên chưa phát huy hiệu quả trong việc tăng khả năng cung ứng tín dụng, giảm chi phí tín dụng, tăng khả năng tạo tiền để từ đó tác động làm giảm mặt bằng lãi suất trong nền kinh tế. Trong giai đoạn hiện nay, các NHTM gặp khó khăn trong việc huy động vốn đối với loại tiền gửi từ 12 tháng trở lên (chiếm 15% so với tổng nguồn vốn huy động). Chính vì vậy nếu muốn huy động được loại tiền gửi này các NHTM phải nâng mức lãi suất tiền gửi (huy động vốn) lên cao sát lãi suất tiền cho vay. Do đó, nếu quy định loại tiền gửi này cũng phải chịu tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì sẽ gây khó khăn cho các NHTM trong hoạt động kinh doanh cũng như không khuyến khích được huy động vốn trung và dài hạn để cho vay và đầu tư phát triển. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay chưa nên quy định dự trữ bắt buộc đối với loại tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên mà chỉ tạm thời quy định dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi huy động dưới 12 tháng. Việc quy định trên sẽ khuyến khích các NHTM bằng các nghiệp vụ của mình (phát hành trái phiếu NHTM, phát hành kỳ phiếu...) thu hút nguồn vốn cho mục tiêu đầu tư và phát triển.

Thứ tư, các điều kiện để đưa thị trường mở vào hoạt động còn chưa chín muồi.

Trong điều kiện ở nước ta hiện nay cần đưa công cụ thị trường mở vào hoạt động và tăng cường sử dụng công cụ này. Tuy nhiên, đến nay cho thấy các điều kiện để đưa thị trường mở vào hoạt động còn chưa chín muồi. Vì vậy, cần có các giải pháp hoàn thiện công cụ này để mau chóng đưa công cụ này vào hoạt động. Cần tăng cường vai trò của NHTNTW trong việc phát hành tiền để mua trái phiếu chính phủ và sau đó thực hiện mua bán lại trái phiếu chính phủ với các NHTM, với các tổ chức kinh tế theo tín hiệu thị trường.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Kinh tế thế giới giai đoạn 2021 - 2025 được dự báo sẽ còn diễn biến phức tạp trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cùng với những yếu tố khó lường từ đại dịch COVID-19. Cấu trúc kinh tế toàn cầu sẽ thay đổi sâu sắc; theo đó, chuỗi sản xuất, tiêu thụ dịch chuyển nhằm đa dạng hóa, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào một quốc gia; xu hướng số hóa nền kinh tế sẽ được đẩy mạnh ngay cả sau khi dịch bệnh kết thúc, tạo ra những thay đổi lớn trong cách thức tổ chức, vận hành nền kinh tế và thúc đẩy năng suất lao động. Sự phân cực trong cục diện kinh tế, chính trị toàn cầu sẽ đẩy mạnh xu hướng liên kết, hình thành các nhóm nước theo các cực khác nhau, tạo thành các khối kinh tế, thương mại, tài chính. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự kiến, tác động tiêu cực lên sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển, hệ sinh thái và công tác an sinh xã hội của các chính phủ.

Như vậy, nước ta đang đứng trước những thời cơ và triển vọng to lớn trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19, những biến chuyển phức tạp, khó lường của kinh tế, chính trị quốc tế, xu thế CMCN 4.0, biến đổi khí hậu... đòi hỏi chúng ta phải khôn khéo, linh hoạt tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức, phấn đấu đạt được mục tiêu nêu trên. Điều này cũng có nghĩa là cần tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2016-2020 về năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và tính tự chủ của nền kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Trong bối cảnh thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, kế thừa những thành tựu quan trọng và toàn diện đã đạt được trong năm 2020 và các năm trước đó, công tác điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng cần chú ý tới các nhóm giải pháp trọng tâm sau.

Thứ nhất, trong điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát kiểm soát ở mức thấp, hội nhập quốc tế sâu rộng, cũng như độ phát triển của thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng gia tăng, NHNN cần nghiên cứu xây dựng và hiện đại hóa công tác điều hành CSTT theo hướng áp dụng khung khổ LPMT linh hoạt (flexible inflation targeting) với trọng tâm chính của quá trình cải cách là chuyển từ điều hành theo mục tiêu khối lượng sang mục tiêu giá (lãi suất). Với cách thức điều hành này, NHNN có thể thiết lập mục tiêu lạm phát linh hoạt trong ngắn hạn, giảm thiểu áp lực chính trị, qua đó củng cố uy tín và độ tin cậy, cũng như cho phép NHNN đạt được mục tiêu kép, bao gồm ổn định giá cả và tăng trưởng, việc làm.

Theo đó, NHNN cần: (i) Thiết lập thể chế pháp lý quy định tại Luật NHNN các nội dung nhằm thực thi khung

khô CSTT lạm phát mục tiêu; (ii) Quy định rõ nhiệm vụ của NHNN trong việc đạt được mục tiêu CSTT tại Luật NHNN theo hướng tiếp tục chỉ rõ mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; (iii) Để theo đuổi khung khổ CSTT lạm phát mục tiêu linh hoạt, minh bạch NHNN cần hướng tới thực thi CSTT thông qua lãi suất ngắn hạn nhằm làm giảm biến động của lãi suất thị trường, thúc đẩy thị trường tài chính phát triển và tăng cường khả năng truyền tải tác động CSTT đến nền kinh tế; (iv) Tăng cường tính độc lập cho NHNN trong điều hành CSTT và chú trọng công tác truyền thông CSTT.

Thứ hai, tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 mà trọng tâm là sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ và tạo điều kiện để NHCSXH thực hiện tốt các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen.

Thứ ba, phát huy tối đa vai trò của công cụ lãi suất trong việc điều hành CSTT phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Mặt khác lãi suất và tỷ giá là hai vấn đề nhạy cảm, có tác động tức thời và ảnh hưởng sâu rộng đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Do giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ với nhau, chính sách lãi suất và tỷ giá phải được xử lý đồng bộ trong quan hệ phù hợp. Chính vì vậy biện pháp điều chỉnh lãi suất đồng Việt Nam cần đi đôi với việc quy định lãi suất thích hợp đối với tiền gửi bằng USD để phát huy tối đa vai trò của công cụ lãi suất trong việc điều hành CSTT.

Thứ tư, linh hoạt điều hành công cụ nghiệp vụ thị trường mở, từng bước đổi mới khung khổ CSTT, chuyển dần từ điều hành theo khối lượng tiền sang chủ yếu điều hành theo giá, trong đó nghiệp vụ thị trường mở tiếp tục là công cụ chủ yếu điều tiết vốn khả dụng của các TCTD. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Thứ năm, thúc đẩy sự phối hợp giữa CSTT với các chính sách vĩ mô khác của Chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô theo hướng đồng bộ, nhất quán nhằm đạt được mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

5. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 xảy ra đột ngột, không có bất cứ tín hiệu báo trước nào, mục tiêu chính của CSTT là bảo đảm nguồn cung tín dụng cho nền kinh tế và doanh nghiệp khi mà dòng tiền cho sản xuất và tiêu dùng bị gián đoạn. NHNN đã phản ứng nhanh chóng với 3 lần cắt giảm các mức lãi suất điều hành quy mô lớn từ 1,5-2%/năm [8], là một trong số các nước có mức giảm lãi suất điều hành lớn nhất khu vực ASEAN, tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN. Đồng thời, với việc giảm lãi suất, thông qua các công cụ thị trường mở và ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng đã cung cấp tín dụng cho nền kinh tế.

Với những thành tích đạt được trong năm 2020 và nhiệm vụ đặt ra cho năm 2021, công tác điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng đòi hỏi phải bám sát diễn biến trong, ngoài nước để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2021 của Quốc hội, Chính phủ. Theo đó, điều hành CSTT phải chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, tình hình dịch COVID-19, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành theo Quyết định 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018.
- [2]. Thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định về nghiệp vụ thị trường mở.
- [3]. Thông tư 30/2019/TT-NHNN quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- [4]. Thông tư số 09/2021/TT-NHNN ngày 07/7/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 42/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về nghiệp vụ thị trường mở.
- [5]. Nguyễn Thanh Cai (2020), *Ảnh hưởng của lãi suất và tỷ giá đến lạm phát giai đoạn 2000 - 2019 ở Việt Nam*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 9 năm 2020.
- [6]. Vũ Mai Chi (2019), *Khung khổ điều hành chính sách của NHNN từ năm 2012 đến nay - một số đánh giá và khuyến nghị*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 16/2019.

